|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT** **PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đà Nẵng, ngày 04 tháng 5 năm 2020* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội**

**và hỗ trợ chi phí học tập**

Căn cứ Nghị định **số 86/2015/NĐ-CP** ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

 Căn cứ Thông tư liên tịch số **09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH** ngày 30/03/2016 của Liên bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số **18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH** ngày 03/08/2009 sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I phần II của Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 08 năm 1998 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các Trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số **66/2013/QĐ-TTg** ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số **35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC** ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học,

  Nhà Trường hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên chính quy đang học tại trường (**học kỳ II, năm học 2019 - 2020**) như sau:

**A. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ**

 **I. Đối tượng miễn học phí**

 **Đối tượng 1.** Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, cụ thể:

 - Con của Liệt sĩ;

 - Con của Bệnh binh;

 - Con của Thương binh;

 - Con của người hoạt động cách mạng;

 - Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

 - Con của người hưởng chính sách như thương binh;

- Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

 - Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: chiến đấu từ tháng 8/1961 đến ngày 30/4/1975 (suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên, vô sinh, sinh con dị dạng, dị tật).

 **Đối tượng** **2.** Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế (thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo).

 **Đối tượng** **3.** Sinh viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, cụ thể:

- Mồ côi cả cha và mẹ;

***-*** Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật, đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội, đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;

- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội, đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;

- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội, đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

 **Đối tượng** **4.** Sinh viên là **người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

 **Đối tượng** **5.** Sinh viên là người **dân tộc thiểu số rất ít người** ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ơ Đu;

- Vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo Thông tư liên tịch số 09/2016 đã nêu trên.

**II. Đối tượng được giảm học phí**

 **Đối tượng** **6. Đối tượng giảm 70% học phí**

Sinh viên là **người dân tộc thiểu số** *(không phải là dân tộc thiểu số rất ít người)* **ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn** theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

 **Đối tượng** **7. Đối tượng giảm 50% học phí**

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động (TNLĐ) hoặc mắc bệnh nghề nghiệp (BNN) được hưởng trợ cấp thường xuyên.

 **Đối tượng** **8. Đối tượng giảm học phí đối với con CBVC thuộc Đại học Đà Nẵng**

- Giảm 50% học phí đối với sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong Đại học Đà Nẵng;

- Giảm 25% học phí đối với sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức công tác trong Đại học Đà Nẵng đã nghỉ hưu theo chế độ.

 **III. Quy định về hồ sơ**

 **1. Quy định chung**

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí chỉ phải nộp 01 bộ hồ sơ cho cả thời gian học tập;

- Riêng đối với sinh viên bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế; sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thì từng năm phải nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ đầy đủ để xét miễn, giảm học phí (Thời gian được hưởng miễn, giảm học phí theo hiệu lực của Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo);

- Trong năm học, nếu gia đình sinh viên thuộc diện đã thoát nghèo thì sinh viên có trách nhiệm nộp văn bản chứng nhận hộ đã thoát nghèo để dừng việc miễn, giảm học phí cho kỳ tiếp theo. Nếu thực hiện không đúng quy định sinh viên phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

 **2. Hồ sơ cần nộp**

 **Đối tượng 1**

- Giấy xác nhận là con của liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh do Phòng Lao động Thương binh - Xã hội cấp huyện cấp; Là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động Thương binh - Xã hội cấp;

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Thẻ liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh hoặc quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng của Sở LĐTB&XH; Biên bản giám định khả năng lao động do Hội đồng Y khoa cấp tỉnh, thành phố giám định hoặc các loại giấy tờ sau đây: Quyết định về việc trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động Thương binh - Xã hội cấp; Quyết định về việc trợ cấp đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động Thương binh - Xã hội cấp;

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực, sổ hộ khẩu cần có dấu tròn giáp lai ở tất cả các trang và được chứng thực trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp);

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

**Đối tượng 2**

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Sổ hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực);

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Sổ hộ khẩu (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực, có dấu tròn giáp lai ở tất cả các trang và được chứng thực trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp);

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

**Đối tượng 3**

- Giấy xác nhận là sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ do UBND cấp xã cấp; hoặc văn bản xác nhận của công an cấp xã (nếu cha mẹ đang chịu án phạt tù…);

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo nghị định 136/2013/NĐ-CP (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực);

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

**Đối tượng 4**

- Bản sao chứng thực sao y bản chính sổ hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp. (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực);

- Bản sao chứng thực sao y bản chính giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực, sổ hộ khẩu cần có dấu tròn giáp lai ở tất cả các trang và được chứng thực trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp);

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

**Đối tượng 5&6**

- Bản sao chứng thực sao y bản chính giấy khai sinh vàsổ hộ khẩu (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực, sổ hộ khẩu cần có dấu tròn giáp lai ở tất cả các trang và được chứng thực trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp) hoặc giấy đăng ký tạm trú;

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

**Đối tượng 7**

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực, có dấu giáp lai ở tất cả các trang nếu có nhiều hơn 1 trang);

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực, sổ hộ khẩu cần có dấu tròn giáp lai ở tất cả các trang và được chứng thực trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp);

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

**Đối tượng 8**

 - Đơn xin miễn giảm học phí, có xác nhận của cơ quan nơi cha, mẹ sinh viên đang công tác.

**B. TRỢ CẤP XÃ HỘI**

**I. Đối tượng được trợ cấp xã hội**

 **Đối tượng 1**

**-** Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao**,** có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên;

- Mức trợ cấp: 140.000 đồng/ tháng; cấp 12 tháng/năm;

- Đối tượng này nộp hồ sơ một lần xét cho cả khóa học.

  **Đối tượng 2**

**-** Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên;

- Mức trợ cấp: 100.000 đồng/ tháng; cấp 12 tháng/năm;

- Đối tượng này nộp hồ sơ xét theo từng học kỳ.

  **Đối tượng 3**

- Sinh viên diện tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người có khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật được hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định;

- Mức trợ cấp: 100.000 đồng/ tháng; cấp 12 tháng/năm;

- Đối tượng này nộp hồ sơ xét theo từng học kỳ.

  **Đối tượng 4**

- Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập, nghĩa là điểm học tập giỏi trở lên, điểm rèn luyện tốt trở lên, là gia đình sinh viên thuộc diện hộ nghèo phải xuất trình giấy chứng nhận là sinh viên thuộc hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp;

- Mức trợ cấp: 100.000 đồng/ tháng; cấp 12 tháng/năm;

- Đối tượng này nộp hồ sơ xét theo từng học kỳ.

**II. Hồ sơ cần nộp**

**Đối tượng 1**

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

- Giấy chứng nhận là con dân tộc thiểu số ở vùng cao có xác nhận của UBND cấp xã đã thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên;

- Bản sao chứng thực sao y bản chính giấy khai sinh vàsổ hộ khẩu (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực, sổ hộ khẩu cần có dấu tròn giáp lai ở tất cả các trang và được chứng thực trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp).

**Đối tượng 2**

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã;

- Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã, phường, thị trấn (Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Giấy chứng tử của cha, mẹ SV; Giấy khai sinh (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực, sổ hộ khẩu cần có dấu tròn giáp lai ở tất cả các trang và được chứng thực trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp);

- Xác nhận là con mồ côi không nơi nương tựa do UBND xã, phường, thị trấn cấp.

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo theo quy định hoặc giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn do UBND xã phường cấp.

**Đối tượng 3**

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã;

- Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã, phường, thị trấn (Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);

- Biên bản giám định y khoa do bệnh viện cấp quận, huyện, thị xã cấp;

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo theo quy định hoặc giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn do UBND xã phường cấp.

**Đối tượng 4**

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

- Bảng điểm học kỳ trước đó;

- Bảng điểm rèn luyện học kỳ trước đó;

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo theo quy định hoặc giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn do UBND xã phường cấp.

**C. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

**I. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập**

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ;

- Không áp dụng đối với sinh viên: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng 2 và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

**II. Mức hỗ trợ**

 Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức thỏa mãn các điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ học tập.

**III. Quy định về hồ sơ**

**1. Quy định chung**

- Trong năm học, nếu gia đình sinh viên thuộc diện đã thoát nghèo thì sinh viên có trách nhiệm nộp văn bản chứng nhận hộ đã thoát nghèo để dừng việc chi trả chi phí học tập cho kỳ tiếp theo. Nếu thực hiện không đúng quy định sinh viên phải hoàn toàn chịu trách nhiệm;

- Đối với sinh viên chưa thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập, nếu trong năm học, gia đình sinh viên được bổ sung diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì nộp hồ sơ bổ sung đối tượng hưởng chính sách làm căn cứ chi trả chi phí học tập từ học kỳ tiếp theo đến thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Trường hợp trong quá trình học tập, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập không nộp đầy đủ hồ sơ theo qui định thì chỉ được chi trả chi phí học tập tính từ học kỳ cơ sở giáo dục đại học nhận được đầy đủ hồ sơ đến khi kết thúc khóa học, **KHÔNG** được giải quyết truy lĩnh tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với thời gian đã học trước thời điểm đó;

- Sinh viên bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì cơ sở giáo dục đại học công lập dừng thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập vào kỳ học tiếp theo;

- Sinh viên bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ, trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bị đình chỉ học tập thì cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện khấu trừ số tiền tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào kỳ học tiếp theo sau khi sinh viên nhập học lại.

**2. Hồ sơ cần nộp**

- Tải đơn xin miễn giảm học phí tại http://ute.udn.vn/BoPhan/199/4/Cac-Van-ban-Bieu-mau.aspx).

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Sổ hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực);

- Bản sao chứng thực sao y bản chính Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu (có đầy đủ chữ ký, ngày tháng năm và số vào sổ chứng thực, sổ hộ khẩu cần có dấu tròn giáp lai ở tất cả các trang và được chứng thực trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp).

**D. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ**

**1. Thời gian:** Từ ngày 05/5/2020 đến 15/5/2020

**2. Địa điểm:** Nộp tại Phòng công tác sinh viên

Nếu có vấn đề gì thắc mắc sinh viên có thể gửi: phongctsv@ute.udn.vn

**3. Tra cứu thông tin**

Thông tin liên tục cập nhật tại website: <http://daotao.ute.udn.vn/viewmsg.asp>

|  |
| --- |
|  **PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN** |

**PHỤ LỤC I**

**DANH MỤC VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN**

**VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**
*(Kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)*

**CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ-XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015; **QĐ 131 ngày 25/1/2017 thay 539. QĐ 1421 ngày 25/10/2018 bổ sung 131 thêm Vinh Hai, Ninh Hai, Ninh Thuan.**

2. Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015; **QĐ 204 ngày 01/02/2016 thay 2405, QĐ 900 ngày 20/6/2017 thay 204.**

3. Quyết định số 582/QĐ-UBDT ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBDT ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và năm 2015. QĐ **75 ngày 29/02/2016 thay 2 QĐ 582 và 130, QĐ 177 ngày 19/4/2016 bổ sung QĐ 75 thêm một số thôn, QĐ 414 ngay 11/7/2017 thay thế 2 QD 75 và 177.**

4. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 8/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015. **QĐ 204 ngày 01/02/2016 thay 495, QĐ 900 ngày 20/6/2017 thay 204 ( vì 495 là QĐ bổ sung 2405).**

5. Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh Mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn; hết hiệu lực thay thế bằng QĐ 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.

6. Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh Mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo. **Thêm QĐ 293 ngày 05/3/2013 phê duyệt 23 huyện có tỉ lệ nghèo cao hưởng chế độ như NQ 30a.**

7. Các địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư. **Thêm Quyết định 582/QĐ-TTg phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020.**

9. Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn cập nhật sau ngày ban hành thông báo này (nếu có, sẽ được Nhà trường hướng dẫn cụ thể).